

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ- ST

Ngày 20/6/2023

V/v “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Trụ

Ông Lê Minh Tranh

Thư ký Tòa án ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Minh Hằng - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Bà Đinh Diễm Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20/6/2023 tại trụ sở TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Công H1, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn 2, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Hôm nay, vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1982

ĐKKHKT: tổ 4x, khu Tiên P, phường C, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo anh Trương Công H1 trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Thu H1 được tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ năm 2001. Sau kết hôn vợ chồng anh chị về ở chung với mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Quang M1 tại địa chỉ tổ 4x, khu Tiên P, phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và không hợp nhau.

Sau đó được hai bên gia đình khuyên giải nên vợ chồng lại bình thường. Đến năm 2021 vợ chồng lại mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị H1.

Về con chung: anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Công Tuấn A1, sinh ngày 22/4/2002. Hiện nay cháu đã thành niên nên anh không có đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với chị Nguyễn Thị Thu H1: Tòa án triệu tập chị Nguyễn Thị Thu H1 đến Tòa án để làm việc nhưng chị H1 đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được. Tòa án đã giao cho gia đình chị H1 do mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị Quang M1 các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Công H1, cho anh Trương Công H1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H1; Về con chung: đã thành niên, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng do vụ án xét xử vắng mặt một bên nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí: anh Trương Công H1 phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đây là tranh chấp về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại khu Tiên P, phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh H và chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn với nhau

trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo anh H trình bày năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị H1.

Về phía chị Nguyễn Thị Thu H1 mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho chị H1 (do bà Nguyễn Thị Quang M1 là mẹ đẻ nhận thay) để chị H1 thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng chị H1 không có mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/4/2023 của bà Nguyễn Thị Quang M1 là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Thu H1 bà trình bày như sau: Chị Nguyễn Thị Thu H1 và anh Trương Công H1 sau khi đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ngày 27/9/2001 thì anh H và chị H1 về chung sống cùng bà tại địa chỉ: tổ 4x, số nhà 03, khu Tiên P, phường C, tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị Hải, Hương hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài. Đến khoảng cuối năm 2021 thì chị H1 và anh H có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Kể từ đó thì anh H đã chuyển về xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ sinh sống, còn chị H1 con gái bà đi làm ăn xa, thi thoảng chị H1 vẫn về thăm bà. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được vì vậy anh chị H H1 đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Hiện nay, chị H1 (là con gái bà) đang đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Bà đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác như biên bản kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản làm việc về việc không hòa giải được giữa anh H xin ly hôn với chị H1. Nhưng chị H1 không thường xuyên có mặt tại địa phương, chị H1 đang đi làm ăn xa, thi thoảng chị H1 lại về chơi một vài ngày rồi lại đi. Khi nhận được văn bản của Tòa án, bà đã thông báo cho chị H1 biết về việc anh H xin ly hôn, quan điểm của chị H1 nói với bà là đồng ý ly hôn với anh H vì vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau, nhưng do công việc làm ăn xa nên chị H1 không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Vì vậy, chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt chị theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị H1 và anh H có một con chung là cháu Trương Công Tuấn A1, sinh ngày 22/4/2002. Hiện nay cháu Tuấn Anh đã thành niên và đi làm nên chị H1 có quan điểm không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh chị Hải, Hương

không có. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh H và chị H1 theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2023 tại UBND phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được địa phương cung cấp như sau: chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 4x, khu Tiên P, phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi chị H1 kết hôn với anh Trương Công H1, sinh năm 1977 tại UBND phường C năm 2001 thì anh chị về chung sống cùng gia đình bà Nguyễn Thị Quang M1, sinh năm 1959 là mẹ đẻ của chị H1 có địa chỉ tại số nhà 3, tổ 4x, khu Tiên P, phường C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài. Tại thời điểm xác minh được bà Nguyễn Thị Quang M1 (là mẹ đẻ của chị H1) cho biết: Cuối năm 2021 thì chị H1 và anh H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Chị H1 hiện nay đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt tại ở nhà. Nay Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đến xác minh thì khu dân cư mới được biết anh Trương Công H1 đang làm thủ tục ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H1. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của anh H chị H1 theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Do vậy về quan hệ hôn nhân xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên xử cho anh H và chị H1 được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: anh Trương Công H1 xác định anh chị có 01 con chung là cháu Trương Công Tuấn A1, sinh ngày 22/4/2002. Hiện nay cháu đã thành niên nên anh không có đề nghị gì. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: anh Trương Công H1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Song do vụ án này được tiến hành giải quyết xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H1. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí*: Anh Trương Công H1 phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Công H1, cho anh Trương Công H1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H1.

2. Về con chung: Đã thành niên, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Công H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2022/0000213 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Anh H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Các đương sự;
- UBND phường C;
- Lưu: HS, VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân